TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/DS-ST
Ngày: 25-02-2026
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, đòi lại tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Ngọc Liêm và bà Nguyễn Thị Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Long, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025, về việc "tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, đòi lại tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Bảo N, sinh ngày 14/12/1989, số căn cước công dân 089189012370; địa chỉ: số B, ấp M, xã L, tỉnh An Giang; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Hồ Bảo N: Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/01/1986, số căn cước công dân 096086006737; địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau; địa chỉ liên hệ: số B, ấp M, xã L, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/12/2025); có mặt;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh ngày 13/01/1989, số căn cước công dân 089089017369; địa chỉ: ấp M, xã L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thái D, sinh ngày 18/09/1989; địa chỉ: ấp M, xã L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Hồ Bảo N trình bày như sau: Tháng 7/2022 ông Nguyễn Văn C có mở quán ăn T1 (hiện nay đổi tên Sơn L) vì lý do cá nhân nên đến ngày 10/9/2022 ông C có sang quán Đồng X lại cho bà Hồ Bảo N với số tiền

90,000,000 đồng (chín mươi triệu đồng) và hàng tháng bà Hồ Bảo N sẽ trả ông C tiền thuê mặt bằng quán là 15.000.000 đồng/tháng (mười lăm triệu đồng mỗi tháng). Đến tháng 5/2024 bà Hồ Bảo N và ông C có thương lượng việc bà Hồ Bảo N sẽ trả mặt bằng kinh doanh của quán T1 lại cho ông C, ông C sẽ trả lại bà Hồ Bảo N số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tiền sang mặt bằng quán và số tiền còn lại là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) ông C sẽ góp cho bà Hồ Bảo N 10.000.000 đồng/tháng (mười triệu đồng mỗi tháng) nhưng đến nay bà Hồ Bảo N vẫn chưa nhận được số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) như lời ông C đã hứa. Đồng thời trong thời gian kinh doanh tại quán bà Hồ Bảo N cũng đã nhiều lần cho C mượn tiền để kinh doanh bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng M đứng tên Nguyễn Văn C và đưa tiền mặt nhờ Trần Thái D (người làm chứng) đưa cho ông C, tổng số tiền mà ông C đã nợ bà Hồ Bảo N từ ngày 01/8/2023 đến ngày 25/10/2024 là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), các lần chuyển khoản cụ thể là:

- Ngày 01/8/2023 ông C mượn bà Hồ Bảo N 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), bà Hồ Bảo N chuyển vào tài khoản ngân hàng M tên Nguyễn Văn C.

- Ngày 03/8/2023 ông C mượn bà Hồ Bảo N 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), bà Hồ Bảo N chuyển vào tài khoản ngân hàng M tên Nguyễn Văn C.

- Ngày 27/9/2024 ông C mượn bà Hồ Bảo N thêm 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) nhưng khi đã trừ tiền lời, tiền góp... bà Hồ Bảo N đã chuyển cho ông C số tiền 40.550.000 đồng (bốn mươi triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) vào tài khoản ngân hàng M tên Nguyễn Văn C .

- Ngày 19/10/2024 ông C mượn bà Hồ Bảo N 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), bà Hồ Bảo N chuyển vào tài khoản ngân hàng M tên Nguyễn Văn C.

- Ngày 25/10/2024 ông C mượn bà Hồ Bảo N thêm 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), bà Hồ Bảo N chuyển khoản qua ngân hàng M cho ông C số tiền là 16.950.000 đồng (mười sáu triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng, tiền mặt là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), cộng với tiền lời, tiền góp mà ông C nợ bà Hồ Bảo N là 33.050.000 đồng (ba mươi ba triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

- Ngày 31/10/2024 ông C mượn bà Hồ Bảo N 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), số tiền này bà Hồ Bảo N đã đưa tiền mặt cho Trần Thái D (người làm chứng) đưa cho ông C.

Như vậy tổng số tiền gốc mà hiện nay ông C nợ bà Hồ Bảo N là: 440.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu đồng). Do tin tưởng quen biết từ nhiều năm nên hai bên không lập giấy vay nợ, mà ông C đưa bà Hồ Bảo N giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ đỏ) số CN06478, thửa đất số 471, tờ bản đồ số 47, địa chỉ thửa đất: thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang do Văn phòng Đ Chi nhánh C1 cấp ngày 27/9/2023, đứng tên Nguyễn Văn C, để làm tin cho việc vay tiền. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2024 đến tháng

02/2025 ông C đã gửi lại cho bà Hồ Bảo N tổng số tiền lời là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng). Từ tháng 5/2025 đến nay bà Hồ Bảo N đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin cho C để đòi lại khoản tiền đã cho vay thì C không nghe máy, không trả lời tin nhắn, cố tình đi khỏi nơi cư trú nhằm tránh né nghĩa vụ trả nợ.

Với những diễn biến sự việc mà bà Hồ Bảo N đã trình bày như trên, ông Nguyễn Văn C đã lợi dụng lòng tin của bà Hồ Bảo N, sau khi bà Hồ Bảo N mượn tiền bà Hồ Bảo N, ông C đã cố tình không trả, đồng thời cố ý đi khỏi nơi cư trú, cắt liên hệ với bà Hồ Bảo N. Việc làm trên của C đã làm ảnh hưởng rất lớn đến uy tin, lợi ích của bà Hồ Bảo N, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống kinh tế gia đình bà Hồ Bảo N. Vì vậy, bà Hồ Bảo N làm đơn này Kinh mong Toà án xem xét, giải quyết cho bà Hồ Bảo N;

Ngày 05/12/2025, bà Hồ Bảo N khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết giao dịch ông C đưa bà Hồ Bảo N giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ đỏ) số CN06478, thửa đất số 471, tờ bản đồ số 47, địa chỉ thửa đất: thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang do Văn phòng Đ Chi nhánh C1 cấp ngày 27/9/2023, đứng tên Nguyễn Văn C và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn C trả lãi trên nợ gốc 400.0000.000đồng theo quy định pháp luật từ ngày 31/10/2024, đồng ý khấu trừ lại số tiền lãi đã nhận là 24.000.000đồng.

Tại phiên tòa, bà Hồ Bảo N, ông Nguyễn Văn T xác định rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu ông C trả lại số tiền vốn vay ngày 31/10/2024 là 100.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C không gửi ý kiến cho Tòa án, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thái D không gửi ý kiến cho Tòa án, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 166, 323,463, 466, 468 Bộ luật Dân sự: Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà Hồ Bảo N và ông Nguyễn Văn C; buộc ông Nguyễn Văn C trả cho bà Hồ Bảo N số tiền là 340.000.000đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 31/10/204 đến khi xét xử (khấu trừ số tiền lãi 24.000.000đồng); Tuyên bố hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vô hiệu; buộc bà Hồ Bảo N giao trả cho ông Nguyễn Văn C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN06478 ngày 27/09/2023 do Văn phòng Đ chi nhánh C1 cấp cho ông Nguyễn Văn C; đình chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn C trả cho bà Hồ Bảo N số tiền 100.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hồ Bảo N khởi kiện ông Nguyễn Văn C tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Ông C có nơi cư trú trên địa bàn xã L, tỉnh

An Giang. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định.

[2] Nguyên đơn bà Hồ Bảo N tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền vốn vay ngày 31/10/2024 ông C mượn bà Hồ Bảo N 100.000.000 đồng, cho nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ.

[3] Bà Hồ Bảo N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn C, trả cho bà N số tiền thuê mặt bằng quán là 40.000.000đồng và tiền vốn vay ngày 01/8/2023 là 100.000.000 đồng, ngày 03/8/2023 là 40.000.000 đồng, ngày 27/9/2024 là 50.000.000 đồng, ngày 19/10/2024 là 50.000.000 đồng và ngày 25/10/2024 là 60.000.000 đồng. Căn cứ khởi kiện là giấy chuyển vào tài khoản ngân hàng M tên Nguyễn Văn C và lời thoại tin nhắn Zalo. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C không gửi ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nên Tòa án căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết. Theo văn bản đã xác định được bà N có chuyển số tiền cho ông C, cho nên việc khởi kiện của bà N, đòi ông C trả tiền là 340.000.000đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 31/10/2024, đồng ý khấu trừ lại số tiền lãi đã nhận là 24.000.000đồng; Về lãi suất thì bà N trình bày lúc cho mượn hai bên thỏa thuận là lãi suất 3%/tháng, không có làm giấy tờ thể hiện mức lãi. Các bên giao dịch có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 10% tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, nên được chấp nhận và tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 31/10/2024 đến ngày 25/02/2026 là 483 ngày, tiền lãi được tính là: 300.000.000đồng x (10%/năm) (10/100/365) x 483 ngày = 39.616.000đồng trừ tiền lãi bà N đã nhận là 24.000.000đồng, tiền lãi ông C phải trả là 15.616.000đồng.

[5] Đối với giao dịch ông C đưa bà Hồ Bảo N giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ đỏ) số CN06478, thửa đất số 471, tờ bản đồ số 47, địa chỉ thửa đất: thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang do Văn phòng Đ Chi nhánh C1 cấp ngày 27/9/2023, đứng tên Nguyễn Văn C, theo quy định pháp luật xác định đây là việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được giao kết giữa các bên không tuân thủ theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai và khoản 4 Điều 323 Bộ luật Dân sự nên Tòa án cần tuyên giao dịch vô hiệu và các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Bộ luật Dân sự

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 166, 323, 463, 466, 468, 501, 502 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Bảo N và xử như sau:

1) Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Bảo N đòi lại số tiền vốn vay ngày 31/10/2024 là 100.000.000 đồng;

2) Buộc ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Bảo N số tiền là 340.000.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi là 15.616.000đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng);

3) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

4) Tuyên bố hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà Hồ Bảo N với ông Nguyễn Văn C là vô hiệu; Buộc bà Hồ Bảo N giao trả cho ông Nguyễn Văn C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN06478 ngày 27/09/2023 do Văn phòng Đ chi nhánh C1 cấp cho ông Nguyễn Văn C.

5) Về án phí:

Ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ chịu án phí dân sự là 17.780.000đồng (Bằng chữ: Mười bảy triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng);

Bà Hồ Bảo N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.000.000đồng (Bằng chữ: Mười một triệu đồng) theo biên lai số 0008319 ngày 12/11/2025 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0010970 ngày 05/12/2025của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

6) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11-An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;

- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng